

Bản án số: 47/2024/HS-ST

Ngày: 14-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Trinh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Nu E, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1996, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Út E1 và bà Trần Thị L (chết); C sống như vợ chồng với người khác, có 01 con; Tiền sự, tiền án: Chưa có; Nhân thân: Ngày 10/01/2019, Tòa án nhân dân quận 9 (nay là quận T), thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội cướp giật tài sản, chấp hành xong ngày 25/7/2021; Tạm giữ: Ngày 06 tháng 6 năm 2024; Tạm giam: Ngày 09 tháng 6 năm 2024; Có mặt.

2. Nguyễn Tấn T (còn có tên là Tài H, Tài H1), sinh năm 1991, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Tấn Đ và bà Lê Thị H2 (chết); Có vợ và 01 con; Tiền sự: Không; Tiền án: 07, (1) Bản án số 20/2011/HSST ngày 15/9/2011, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm tù

về tội cướp tài sản, chấp hành xong ngày 30/8/2013, (2) Bản án số 18/2015/HSST ngày 14/5/2015, Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 29/01/2016, (3) Bản án số 25/2017/HSST ngày 05/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, (4) Bản án số 18/2018/HS-ST ngày 26/3/2018, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 25/2017/HSST là 02 năm 09 tháng tù, (5) Bản án số 26/2018/HS-ST ngày 16/4/2018, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, (6) Bản án số 29/2018/HS-ST ngày 27/4/2018, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, (7) Bản án số 24/2018/HS-ST ngày 06/7/2018, Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với các Bản án số 18/2018/HS-ST, 26/2018/HS-ST, 29/2018/HS-ST là 06 năm tù, chấp hành xong ngày 06/3/2023; Nhân thân: Ngày 27/7/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấm dứt ngày 08/9/2017 do có hành vi trộm cắp tài sản bị truy nã; Ngoài ra, bị cáo có 02 lần phạm tội: Tại Bản án số 33/2024/HS-ST ngày 08/8/2024, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, Bản án số 74/2024/HS-ST ngày 30/8/2024, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xử phạt 05 năm tù về tội trộm cắp tài sản; Tạm giữ: Không; Tạm giam: Ngày 22 tháng 9 năm 2024; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nu E:* Ông Hồ Thanh H3 là luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; có mặt.

- *Bị hại:* Nguyễn Thị T1, sinh ngày 01/01/1970. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, Đồng Tháp; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Hồ Văn Đ1, sinh ngày 29/4/1965. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Lâm Văn T2, Trần Văn S, Bùi Quang V, Nguyễn Văn Út E1, Võ Văn H4, Lê Kim Y, Trần Long R, Huỳnh Thị C1, Nguyễn Văn T3, Diệp Anh H5; Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ ngày 18/8/2023, Nguyễn Nu E điều khiển xe Wave RSX màu đỏ đen, biển số 61V1-5601 chở người tên T1 (không rõ họ tên và địa chỉ cụ

thể) từ nhà Nu E đi kiểm chỗ bán đồ ăn. Khi đến đường đal phía sau nhà trọ H6, thuộc ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, thấy trong nhà trọ Hạnh P có xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave Alpha, biển số 66H1-452.35 của bà Nguyễn Thị T1, nên Nu E nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Nu Em đi từ cổng sau, lấy cây gỗ trong sân nhà trọ, nạy bật chốt một bên cánh cửa. Nu Em dịch chuyển cửa sang được khoảng 01 mét đi vào nơi dựng xe 66H1-452.35, xe không khóa cổ, nên Nu E dẫn xe ra đường đal đưa cho T1 điều khiển xe 66H1-452.35, Nu E điều khiển xe Wave 61V1-5601 đẩy xe 66H1-452.35 đưa xuống nhà Nguyễn Tấn T, thuộc khóm A, phường A, thành phố H để bán cho T.

Tại đây, Nu E nói: “Xe này em mới làm được, anh coi mua được bao nhiêu?”. T hỏi: “Xe này làm được ở đâu?”, thì Nu E nói: “Làm được ở trên T.”. Lúc này, T mới nói: “Thôi về đi, để sáng mai tính.”, Nu E và T1 đi về. Ý thức T biết rõ xe 66H1-452.35 do Nu Em trộm cắp có được. Sau đó, do sợ Công an phát hiện, Nu E bỏ trốn. Nguyễn Tấn T phá ổ khóa xe 66H1-452.35 để điều khiển xe qua casino bên Campuchia cầm lấy tiền tiêu xài. Ngày 20/8/2023, T kêu Bùi Quang V điều khiển xe 66P1-701.27 đi qua casino bên Campuchia, để T cầm xe 66H1-452.35 thì V chở T về. V đồng ý. Do không cầm được xe, T và V quay về, qua Trạm kiểm soát biên phòng M1, thuộc xã T, thành phố H thì bị phát hiện và thu giữ xe mô tô.

Đối với Nguyễn Nu E bỏ trốn, đến ngày 06/6/2024 bị bắt theo Quyết định truy nã.

Vật chứng thu giữ:

- 01 đĩa DVD-R, có chứa một tệp video do camera đặt tại nhà trọ Hạnh Phúc ghi lại sự việc, trên mặt đĩa có chữ ký xác nhận, ghi họ và tên ông Nguyễn Văn B, Trần Công T4, Hồ Văn Đ2, Nguyễn Thê . Sau khi giám định, DVD-R được để trong phong bì màu trắng dán kín, niêm phong có đóng dấu hình tròn màu đỏ của “Phòng K Công an tỉnh Đ” và có chữ ký, họ tên Hứa Văn N, Phan Nhật M.

- 01 xe mô tô biển số 66H1-452.35, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave Alpha, màu sơn: xanh – đen – bạc, không kính chiếu hậu, không ba ga, ổ khóa chính ở cổ xe bị đục hư hỏng, bị tháo rời, ổ khóa ở yên xe phía sau bị đục hư hỏng (xe đã qua sử dụng), là tài sản của Nguyễn Thị Đ3 cho Nguyễn Thị T1 mượn sử dụng thì bị mất trộm. Cơ quan điều tra đã trả lại Nguyễn Thị Đ3 Đua.

- 01 xe mô tô biển số 66P1-701.27, màu sơn vàng đen, không rõ nhãn hiệu số khung VTTDCH094TT026512, số máy VTTJL1P52FMH026512 (đã qua sử dụng). Nguyễn Tấn T khai, mượn xe mô tô trên của người tên N1 (không rõ họ tên, thông tin địa chỉ). Qua tra cứu số khung, số máy thì xác định xe mô tô do Lâm Văn T2 đứng tên đăng ký xe năm 2014, loại xe C110, biển số 66P1-393.74. Ông T2 khai, đã bán xe cho người khác (không rõ họ tên và địa chỉ) vào năm 2017. Đối với biển số 66P1-701.27 do ông Trần Văn S đứng tên đăng ký, loại xe Wave

RS, xe ông S đã bị mất trộm vào tháng 4/2023, nhưng xe đã cũ nên ông S không trình báo.

Kết luận định giá tài sản số: 37/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 28/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận: 01 xe mô tô biển số 66H1-452.35, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave alpha, màu sơn xanh – đen – bạc, số khung RLHJA3924NY025015, số máy JA39E-2521227, đã qua sử dụng, trị giá 10.500.000 đồng.

Kết luận giám định số 244/KL-KTHS ngày 04/3/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: 01 tệp video có tên 3576338239247152927.mp4 gửi giám định không bị cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung hình ảnh.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Hồ Văn Đ1 là chủ nhà trọ Hạnh P đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị T1 1.160.000 đồng chi phí sửa chữa xe. Bị cáo Nguyễn Tấn T thống nhất bồi thường lại cho ông Đ1 1.160.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Nu E thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm, kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đối với bị cáo Nguyễn Tấn T không thừa nhận biết nguồn gốc xe 66H1-452.35 do bị cáo Nguyễn Nu E trộm được đem đến bán cho T. Cơ quan điều tra đã cho bị cáo T và Nu E đối chất nhưng không thay đổi lời khai. Bị cáo T khai nhận do muốn có tiền tiêu xài, nên sau khi Nu E gửi xe 66H1-452.35, bị cáo T đem qua casino bên Campuchia để cầm nhưng không cầm được.

Tại Cáo trạng truy tố số 48/CT-VKSHN ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt: Nguyễn Nu E từ 15 đến 18 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”; Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS, xử phạt Nguyễn Tấn T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án đối với: 01 đĩa DVD; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với: 01 xe mô tô còn lại; Tịch thu tiêu hủy: biển số xe 66P1-701.27.

Đối với Bùi Quang V, các lời khai ngày 20/8/2022, 19/9/2023, 10/01/2024, do nghe theo hướng dẫn của T, nên V khai, xe mô tô 66H1-452.35 do Nu E trực tiếp giao cho T và V đem đi cầm. Nhưng quá trình điều tra thể hiện, việc giao nhận xe giữa Nu E và T, V không biết. Khi T rủ đem xe qua casino cầm thì V cũng không biết nguồn gốc xe từ đâu có, nên không đề cập đến trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Đối với ông Nguyễn Văn Út E1 (cha của Nu E) là chủ sở hữu xe mô tô biển số 61V1-5601 tại thời điểm ngày 18/8/2023, không biết việc Nu E điều khiển xe

đi trộm cắp tài sản; tháng 12 năm 2023, ông Út E1 đã bán xe cho người lạ mặt tại thành phố Hồ Chí Minh, nên không đề cập đến trách nhiệm hình sự và không thu giữ xe mô tô này.

Đối với người tên T1, đi cùng Nguyễn Nu E giúp sức hành vi trộm cắp tài sản; do không có thông tin, họ tên và địa chỉ cụ thể nên không làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Các bị cáo không tranh luận chỉ nói lời sau cùng:

- Bị cáo Nu E xin được mức án nhẹ nhất để sớm về làm người tốt, giúp ích cho xã hội, nuôi cha mẹ già thời gian còn lại.

- Bị cáo T xin giảm nhẹ để sớm về làm người tốt, có ích cho xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo Nu E đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ, bị cáo N2 em đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có người thân có công cách mạng, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất mà Cáo trạng nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Các bị cáo đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nu E có hành vi cố ý trực tiếp trộm cắp tài sản, cụ thể: Ngày 18/8/2023, Nu E lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 66H1-452.35, nhãn hiệu HONDA của bị hại Nguyễn Thị T1, trị giá 10.500.000 đồng, đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nu E phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Bị cáo T biết xe mô tô biển số 66H1-452.35 là do Nu Em trộm cắp mà có nhưng vẫn đem đi tiêu thụ. Bản án số 24/2018/HS-ST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp đã xét xử bị cáo T về tội trộm cắp tài sản với tình tiết tái phạm, chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm.

[5] Bị cáo T cho rằng, không biết xe do Nu E trộm là không đúng sự thật khách quan của vụ án, vì bị cáo nhận xe là lúc đêm khuya, xe không có chìa khóa, không nổ máy chạy được mà do Nu E đẩy, T1 điều khiển. Nu Em đã trình bày rõ bán cho bị cáo xe trộm được. Bị cáo từng phạm tội phải ý thức được điều đó và cũng chính bị cáo đã trình bày tại các lời khai đầu tiên cũng thừa nhận biết xe do Nu E trộm. Bị cáo muốn có tiền mà không phải lao động cực nhọc nên đã phá khóa xe để đưa đi tiêu thụ. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo T phạm “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 BLHS:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm ...

đ) Tái phạm nguy hiểm...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[6] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo: Các bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì muốn có tiền trên công sức của người khác mà không phải lao động chân chính tạo ra, nên các bị cáo dấn thân vào con đường phạm tội. Các bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, gây bất an cho người dân, là nguy hiểm cho xã hội.

[8] Về nhân thân: Bị cáo Nu E đã từng có 01 tiền án về tội cướp giật tài sản. Bị cáo T nhân thân rất xấu có 07 tiền án, từng có 01 tiền sự và hiện đang phải chấp hành 02 bản án.

[9] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[10] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo đều có người thân có công cách mạng nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[11] Từ hành vi và hậu quả nêu trên, phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, để bị cáo thấy được lỗi lầm của mình và phấn đấu trở thành người có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời cũng nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho những ai thiếu ý thức chấp hành pháp luật như các bị cáo. Xét thấy, với ý thức, tính chất, mức độ, hậu quả từ hành vi của các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an ở địa phương, hoang mang trong quần chúng nhân dân, nên cần phải có một mức hình phạt tương xứng với mức độ lỗi của các bị cáo, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tốt hơn trong việc chấp hành pháp luật, sửa chữa lỗi lầm, phấn đấu trở thành công dân tốt có ích cho bản thân, gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[12] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[13] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[14] Về án phí: Buộc bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo Nu E thuộc hộ cận nghèo nên xem xét cho miễn án phí.

[15] Những vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập trong vụ án này nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Nu E phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nu E 01 (một) năm 06 (sáu tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 6 năm 2024.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn T phạm “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 03 (ba) năm 06 (sáu tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo Nguyễn Tấn T bồi thường cho ông Hồ Văn Đ1 số tiền 1.160.000 (Một triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng.

4. Về xử lý vật chứng, căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô, màu sơn vàng - đen, không rõ nhãn hiệu, số khung VTTDCH094TT026512, số máy VTTJL1P52FMH026512 (đã qua sử dụng). Tịch thu tiêu hủy: 01 biển số xe 66P1-701.27. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 01 tháng 10 năm 2024.

4.2. Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án đối với: 01 đĩa DVD-R, trên mặt đĩa có chữ ký xác nhận, ghi họ và tên ông Nguyễn Văn B, Trần Công T4, Hồ Văn Đ2, Nguyễn T5 được niêm phong trong phong bì màu trắng dán kín, có đóng dấu hình tròn màu đỏ của “Phòng K Công an tỉnh Đ” và có chữ ký, họ tên Hứa Văn N, Phan Nhật M (Bút lục 333).

5. Về án phí, căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Nu E phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, bị cáo Nguyễn Tấn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14 tháng 11 năm 2024). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú